

CHÍNH PHỦ
Số: 94/2009/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy (gọi tắt là quản lý sau cai nghiện), đối tượng, thẩm quyền và trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện; chế độ quản lý, chính sách hỗ trợ cho người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện (gọi tắt là người sau cai nghiện) và tổ chức, hoạt động của cơ sở quản lý sau cai nghiện.

Cơ sở quản lý sau cai nghiện ma túy trong Nghị định này được gọi là Trung tâm quản lý sau cai nghiện (gọi tắt là Trung tâm).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Trung tâm quản lý sau cai nghiện* là đơn vị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) thành lập để thực hiện công tác quản lý sau cai nghiện đối với người đã hoàn thành thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc nhưng có nguy cơ tái nghiện cao.
- Tái nghiện* là tình trạng người nghiện ma túy sau khi đã thực hiện xong quy trình cai nghiện ma túy theo quy định nhưng vẫn tiếp tục sử dụng chất ma túy.

Điều 3. Thời gian, độ tuổi và thời hiệu thi hành quyết định quản lý sau cai nghiện

1. Thời gian quản lý sau cai nghiện đối với người chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc là từ một đến hai năm. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy cơ tái nghiện cao, người có thẩm quyền quyết định quản lý sau cai nghiện quy định tại khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 17 Nghị định này để quyết định thời gian quản lý sau cai nghiện đối với từng trường hợp cụ thể.

2. Không áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện đối với nữ trên 55 tuổi, nam trên 60 tuổi.

3. Thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện là một năm, kể từ ngày ký quyết định. Trường hợp người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện cố tình trốn tránh việc thi hành thì thời hiệu nói trên được tính lại kể từ thời điểm hành vi trốn tránh chấm dứt.

Điều 4. Kinh phí đảm bảo cho công tác quản lý sau cai nghiện

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý sau cai nghiện gồm:

- a) Ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước;
 - b) Đóng góp của cá nhân hoặc gia đình người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện;
 - c) Nguồn thu từ kết quả lao động sản xuất, dịch vụ của Trung tâm;
 - d) Nguồn viện trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.
2. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, về vay vốn và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN TẠI NƠI CƯ TRÚ

Điều 5. Đối tượng, thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú là người đã hoàn thành xong thời gian cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở chữa bệnh, quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

Điều 6. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Trước khi kết thúc thời gian cai nghiện bắt buộc bốn mươi lăm ngày, Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.
2. Hồ sơ đề nghị gồm:
- a) Hồ sơ của đối tượng cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội (bản sao);
 - b) Bản nhận xét, đánh giá của Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội về quá trình học tập, rèn luyện tại Trung tâm của người cai nghiện ma túy;
 - c) Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện của Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội;

d) Các tài liệu chứng minh đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

Điều 7. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho Trưởng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội chậm nhất là hai mươi ngày trước khi người đó kết thúc thời gian cai nghiện bắt buộc.
2. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm tra và làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
3. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Trưởng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú và thông báo danh sách đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện cư trú để có kế hoạch tiếp nhận và thực hiện việc quản lý sau cai nghiện.
4. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú phải ghi rõ ngày, tháng, năm ký quyết định; họ, tên, chức vụ của người ký quyết định; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú của người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện; thời hạn và nơi thi hành quyết định, cơ quan có trách nhiệm thi hành quyết định.
5. Quyết định phải gửi cho người cai nghiện, gia đình người đó, Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội nơi đang quản lý người cai nghiện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Điều 8. Bàn giao người, hồ sơ của người sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Sau khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội nơi quản lý người cai nghiện có trách nhiệm bàn giao người và hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Khi nhận bàn giao, Ủy ban nhân dân cấp xã phải kiểm tra hồ sơ và lập biên bản bàn giao. Biên bản bàn giao được lập thành ba bản, mỗi bên giữ một bản, một bản gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi ra quyết định để phối hợp quản lý.
2. Hồ sơ bàn giao gồm:
 - a) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú;
 - b) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

Điều 9. Nội dung quản lý sau cai nghiện và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan liên quan trong việc tổ chức quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Nội dung quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú:
 - a) Quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ người sau cai nghiện phòng, chống tái nghiện; tư vấn cho họ để thay đổi hành vi, nhân cách;
 - b) Hỗ trợ học nghề, tìm việc làm và tạo điều kiện để người sau cai nghiện tham gia các hoạt động xã hội, hòa nhập cộng đồng.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

- a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý sau cai nghiện; lập Sổ theo dõi, đánh giá quá trình sau cai nghiện; phân công tổ chức, người giúp đỡ, hướng dẫn người sau cai nghiện cách ly môi trường ma túy, phòng, chống tái nghiện; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra, xét nghiệm các chất ma túy đối với người sau cai nghiện;
- b) Tổ chức các Đội hoạt động xã hội tình nguyện; huy động cộng đồng dân cư tham gia quản lý, giúp đỡ người sau cai nghiện; động viên, khuyến khích người sau cai nghiện tham gia các hoạt động xã hội;
- c) Tuyên truyền, quản lý, tổ chức chăm sóc, tư vấn, điều trị, hỗ trợ cho người sau cai nghiện nhiễm HIV/AIDS;
- d) Hàng tháng, tổ chức họp kiểm điểm, nhận xét quá trình phấn đấu, rèn luyện của người sau cai nghiện.

3. Cán bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Y tế, Công an cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

Điều 10. Hỗ trợ tạo việc làm cho người sau cai nghiện tại nơi cư trú

- 1. Gia đình người sau cai nghiện, các tổ chức, cá nhân có điều kiện về vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh có thể hợp tác liên kết để thành lập các cơ sở sản xuất giúp đỡ, tạo điều kiện cho người sau cai nghiện có công ăn việc làm, thu nhập ổn định.
- 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi về sản xuất, kinh doanh đối với cơ sở sản xuất thuộc các tổ chức, cá nhân có tiếp nhận, giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện.
- 3. Cơ sở sản xuất phải thực hiện các cam kết trong hợp đồng lao động đối với lao động là người sau cai nghiện; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý người sau cai nghiện;

Điều 11. Trách nhiệm của gia đình người sau cai nghiện

- 1. Quản lý, giám sát chặt chẽ và hỗ trợ tạo việc làm cho người sau cai nghiện.
- 2. Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý người sau cai nghiện.
- 3. Tạo điều kiện cho người sau cai nghiện tham gia các hoạt động cộng đồng do Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội nơi người đó cư trú tổ chức.

Điều 12. Quyền, trách nhiệm và chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện tại nơi cư trú

- 1. Người sau cai nghiện tại nơi cư trú có các quyền sau:
 - a) Được lao động, học tập và tham gia các hoạt động xã hội của cộng đồng tại nơi cư trú;
 - b) Được đề đạt nguyện vọng, kiến nghị của mình với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
 - c) Được thực hiện các quyền công dân khác theo quy định của pháp luật.
- 2. Người sau cai nghiện có trách nhiệm:
 - a) Xây dựng kế hoạch rèn luyện sau cai nghiện theo hướng dẫn của cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ; cam kết thực hiện các quy định về quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú và nghiêm túc thực hiện cam kết đó;
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, quy ước của thôn, làng, ấp, bản, đơn vị dân cư nơi cư trú;

c) Hàng tháng phải báo cáo với tổ chức được giao quản lý, giúp đỡ về tình hình rèn luyện, phấn đấu và kết quả tiến bộ của mình

3. Chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện:

a) Người sau cai nghiện tại nơi cư trú được hỗ trợ về tâm lý, xã hội trong thời gian quản lý sau cai và tái hòa nhập cộng đồng;

b) Người sau cai nghiện được xem xét hỗ trợ học nghề, hỗ trợ tìm việc làm theo khả năng, điều kiện cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 13. Những quy định về đi lại, thay đổi nơi cư trú đối với người sau cai nghiện

1. Trong thời gian chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú, người sau cai nghiện có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng, nhưng mỗi lần vắng mặt không được quá ba mươi ngày và tổng số thời gian vắng mặt không được vượt quá một phần ba thời gian áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện như sau:

a) Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú đến mười ngày thì phải báo cáo tổ chức, người giúp đỡ hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã biết;

b) Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú từ trên mười ngày đến ba mươi ngày, thì phải làm đơn xin phép ghi rõ lý do, thời gian và nơi đến kèm theo ý kiến của tổ chức, người được phân công giúp đỡ trực tiếp và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng Công an cấp xã nơi cư trú đồng ý.

2. Người sau cai nghiện có trách nhiệm báo cáo Công an xã nơi mình đến lưu trú biết. Khi hết thời hạn cho phép lưu trú, phải có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã nơi lưu trú về thời hạn lưu trú và việc chấp hành pháp luật tại nơi đến lưu trú.

3. Thời gian người sau cai nghiện vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời hạn chấp hành quyết định, nếu người đó không vi phạm pháp luật tại địa phương nơi đến lưu trú; nếu có vi phạm hoặc vắng mặt mà không báo cáo hoặc không được sự đồng ý của Trưởng Công an cấp xã thì thời gian vắng mặt không được tính vào thời hạn quản lý sau cai nghiện.

4. Trường hợp vì các lý do chính đáng như thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, đi học, có việc làm ổn định hoặc các lý do chính đáng khác thì người sau cai nghiện phải làm đơn đề nghị và có ý kiến của tổ chức, người được giao quản lý, giúp đỡ. Căn cứ vào đơn đề nghị và các ý kiến xác nhận đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sau cai nghiện cư trú xem xét, giải quyết.

Nếu người sau cai nghiện thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đang cư trú làm văn bản đề nghị và gửi toàn bộ hồ sơ của người sau cai nghiện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó sẽ đến cư trú để tiếp tục quản lý, hỗ trợ sau cai nghiện.

Điều 14. Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Người sau cai nghiện đã chấp hành được hai phần ba thời gian theo quyết định quản lý sau cai nghiện, nếu lập công hoặc có tiến bộ rõ rệt thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giảm một phần hoặc miễn chấp hành thời gian còn lại.